

ĐỀ ÁN

**Chuyển đổi số trong hoạt động của Hội đồng nhân dân
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2031**
(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG, CĂN CỨ XÂY DỰNG,
PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều nỗ lực trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong tổ chức và hoạt động. Việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số, hội nghị trực tuyến, các phần mềm dùng chung của tỉnh... đã giúp đổi mới phương thức làm việc, rút ngắn đáng kể thời gian xử lý công việc, tăng cường trao đổi thông tin, giảm sử dụng văn bản giấy, qua đó đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác của HĐND, các cơ quan của HĐND, đại biểu HĐND các cấp, nhất là trong thực hiện các chức năng quyết định và giám sát, ngày càng khẳng định rõ nét hơn vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân.

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và tổ chức, sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, khối lượng công việc của HĐND ngày càng lớn với yêu cầu ngày càng cao, số lượng thông tin, tài liệu, báo cáo, nghị quyết, kết luận giám sát, kiến nghị cử tri, việc theo dõi sau giám sát... phát sinh mới hàng ngày, hàng giờ, nếu tiếp tục quản lý, thực hiện theo phương thức truyền thống thì HĐND sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tổng hợp, khai thác, chia sẻ và theo dõi kết quả thực hiện; ngoài ra, yêu cầu phối hợp giữa Thường trực HĐND với Ủy ban nhân dân (UBND) và với các cơ quan, đơn vị có liên quan ngày càng phải chặt chẽ hơn, đòi hỏi phương thức quản lý phải được đổi mới theo hướng hiện đại.

Trước những yêu cầu đó, đổi mới hoạt động của HĐND hai cấp không còn đơn thuần là việc ứng dụng CNTT vào xử lý công việc mà là quá trình đổi mới toàn diện phương thức quản trị, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở dữ liệu số, quy trình số và các công nghệ số tiên tiến. Khai thác hiệu quả các nền tảng số, các công cụ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI)... hỗ trợ thiết thực cho công tác chỉ đạo, điều hành, giúp rút ngắn thời gian xử lý công việc, tra cứu thông tin, nâng cao chất lượng tham mưu, phân tích dữ liệu phục vụ quyết định và giám sát, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, xây dựng Đề án chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND hai cấp còn nhằm bảo đảm sự đồng bộ với chương trình chuyển đổi số của tỉnh, tận dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung đã được đầu tư; tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan trong hệ thống chính quyền.

Từ thực tiễn và những yêu cầu nêu trên, việc xây dựng Đề án chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2031 là cần thiết, có ý nghĩa cấp bách và lâu dài, tạo cơ sở để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng HĐND hoạt động chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, dựa trên dữ liệu, phục vụ Nhân dân ngày càng hiệu quả.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW ngày 11/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị.

- Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 29/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 21/7/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thông báo số 339-TB/VPTU ngày 23/9/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về chủ trương ban hành và thực hiện Đề án chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2031.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

- Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 10/12/2025.

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

- Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025.

- Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023.

- Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024.

- Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26/6/2025.
- Luật An ninh mạng ngày 10/12/2025.
- Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10/12/2025.
- Nghị quyết số 1343/NQ-UBTVQH15 ngày 31/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xây dựng và phát triển Quốc hội số giai đoạn 2024 - 2026, định hướng đến năm 2030.
- Nghị quyết số 279/NQ-UBTVQH16 ngày 03/6/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo của Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.
- Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.
- Nghị định số 331/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin.
- Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.
- Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0).
- Kết luận số 78/KL-UBTVQH16 ngày 10/6/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội kết luận tại Hội nghị HĐND toàn quốc triển khai phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2026-2031.
- Kế hoạch số 905/KH-VPQH ngày 13/4/2026 của Văn phòng Quốc hội về triển khai các nền tảng số dùng chung của Quốc hội đến các cơ quan dân cử.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi áp dụng: Hoạt động của HĐND trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 -2031.

2. Đối tượng áp dụng

- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.
- UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.
- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND cấp xã; UBND cấp xã; Văn phòng HĐND và UBND cấp xã.
- Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CNTT, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

HĐND tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031 có 65 đại biểu. Cơ cấu Thường trực HĐND tỉnh gồm Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và 04 Ủy viên là Trưởng các Ban của HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh có Trưởng Ban, 02 - 03 Phó trưởng Ban và 06 - 08 Ủy viên, trong đó Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Pháp chế được bổ sung thêm 01 Ủy viên chuyên trách.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (sau đây gọi là Văn phòng) là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ cho HĐND tỉnh và Đoàn ĐBQH tỉnh, có cơ cấu tổ chức gồm Chánh Văn phòng, 04 Phó Chánh Văn phòng và 03 phòng chuyên môn: Phòng Công tác Quốc hội; Phòng Công tác HĐND; Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị.

Đối với HĐND của 96 xã, phường, đặc khu, sau cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, HĐND cấp xã đã được kiện toàn¹, các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng, Phó Trưởng các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND được bầu, phê chuẩn, thành lập, phân công nhiệm vụ và xây dựng chương trình công tác. Các cơ quan của HĐND, cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ của HĐND cấp xã được thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bố trí biên chế và các điều kiện đảm bảo hoạt động.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ngay sau khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, Thường trực HĐND đã quan tâm chỉ đạo việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND, các cơ quan của HĐND; thường xuyên quán triệt, triển khai các chủ trương của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

¹ Có 1.977 đại biểu HĐND cấp xã, thành lập 484 tổ đại biểu.

số. Các kế hoạch, chương trình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 85-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được Thường trực HĐND tỉnh ban hành, chỉ đạo ban hành tương đối đầy đủ, tạo cơ sở để các cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ.

2. Hạ tầng công nghệ thông tin

Hạ tầng về CNTT của các cơ quan HĐND nhìn chung được quan tâm đầu tư, bước đầu đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số. Hệ thống mạng nội bộ, đường truyền, thiết bị CNTT và các nền tảng dùng chung cơ bản đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường điện tử.

Tại cấp tỉnh, 100% đại biểu HĐND chuyên trách, công chức thuộc Văn phòng được trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác. Việc triển khai chữ ký số được thực hiện đồng bộ; toàn bộ văn bản đến được tiếp nhận, số hóa và xử lý trên hệ thống quản lý văn bản; văn bản đi được ký số và phát hành hoàn toàn dưới dạng điện tử, góp phần giảm thời gian xử lý công việc, tiết kiệm chi phí in ấn và nâng cao hiệu quả điều hành. Đến nay, tỷ lệ văn bản điện tử được ký số đạt 100%.

Tại cấp xã, việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số đã được triển khai ở nhiều địa phương với mức độ khác nhau. HĐND các xã, phường, đặc khu đã sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số và các nền tảng số phục vụ trao đổi công việc; một số địa phương từng bước triển khai mô hình “kỳ họp không giấy”, “phòng họp không giấy” thông qua việc gửi, nhận tài liệu điện tử, cung cấp tài liệu bằng mã QR và trao đổi công việc trên nền tảng số.

3. Triển khai các nền tảng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công vụ

Các hệ thống/phần mềm sử dụng chung của tỉnh được HĐND khai thác hiệu quả, như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice; Trang thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Ngãi, Trang thông tin điện tử của các xã, phường, đặc khu; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống quản lý công chức... qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả trao đổi thông tin, điều hành công việc; tiếp tục phát huy tốt việc tổ chức các kỳ họp HĐND không giấy tờ, công khai tài liệu, chương trình kỳ họp, tạo điều kiện để đại biểu HĐND tiếp cận thông tin nhanh chóng, đầy đủ hơn, đồng thời để cử tri và Nhân dân theo dõi, giám sát.

Đại biểu HĐND, công chức tham mưu, giúp việc đã chủ động nghiên cứu, khai thác các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công tác chuyên môn; tích cực tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về ứng dụng AI để hỗ trợ hiệu quả hơn trong công tác. Đối với cấp tỉnh, trong năm 2026, Thường trực HĐND tỉnh đã chủ động chỉ đạo phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Tập đoàn Công nghệ - Viễn thông Quân đội và các cơ quan liên quan chuẩn bị điều kiện để triển khai các nền tảng số dùng chung của Quốc hội.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số

Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” theo kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, giai đoạn 2025 - 2026, đại biểu HĐND, công chức, người lao động đã tham gia các chương trình, khóa học do cấp có thẩm quyền tổ chức.

Năm 2026, thực hiện kế hoạch của Văn phòng Quốc hội, 100% đại biểu HĐND tỉnh, công chức thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã tham gia và hoàn thành các khóa học bắt buộc theo yêu cầu. Nhận thức và kỹ năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số phục vụ công việc từng bước được nâng cao. Văn phòng đã bố trí 01 công chức chuyên trách CNTT và chuyển đổi số, có trình độ chuyên môn phù hợp, thực hiện công tác quản trị hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật và tham mưu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của HĐND và các cơ quan của HĐND.

Đối với cấp xã, kỹ năng và mức độ ứng dụng công nghệ số của đại biểu HĐND, cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc từng bước được nâng lên; tuy nhiên, do điều kiện về hạ tầng, trang thiết bị, đường truyền, kinh phí và nhân lực công nghệ thông tin giữa các địa phương còn khác nhau nên mức độ triển khai chưa đồng đều.

III. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Hạ tầng CNTT tuy đã được quan tâm nhưng chưa đồng bộ; nhiều thiết bị CNTT đã được trang bị từ rất lâu, cấu hình thấp, xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng số và ứng dụng công nghệ mới, nhất là ở cấp xã. Chưa tổ chức được kỳ họp điện tử, kỳ họp trực tuyến. Mức độ ứng dụng công nghệ số giữa các xã, phường, đặc khu còn khác nhau, nhất là về hạ tầng, đường truyền, trang thiết bị và nhân lực công nghệ thông tin.

- Chưa có hệ thống phần mềm phục vụ toàn diện các hoạt động của HĐND như quản lý kỳ họp, giám sát, theo dõi việc thực hiện nghị quyết, quản lý kiến nghị cử tri, tiếp nhận, giải quyết ý kiến, kiến nghị công dân... Dữ liệu còn phân tán ở nhiều hệ thống khác nhau (nghị quyết HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 ở dạng pdf trên hệ thống quản lý văn bản điều hành, các nhiệm kỳ trước hiện còn ở dạng giấy), chưa được chuẩn hóa và hình thành cơ sở dữ liệu chuyên ngành của HĐND để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.

- Nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số còn thiếu, số lượng cán bộ, công chức có trình độ chuyên sâu về CNTT và chuyển đổi số còn hạn chế. Kỹ năng số của đại biểu HĐND và đội ngũ công chức phục vụ cho hoạt động của HĐND ở các cấp dần được nâng cao nhưng chưa đồng đều; việc khai thác dữ liệu, sử dụng các công cụ phân tích và ứng dụng AI trong thực hiện nhiệm vụ mới ở giai đoạn ban đầu.

Những hạn chế nêu trên cho thấy chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND mới chỉ dừng ở giai đoạn ứng dụng CNTT, chưa hình thành mô hình HĐND số theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu số, thời gian thực.

2. Nguyên nhân

- Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp có nhiều vấn đề còn khó khăn, vướng mắc cần tập trung tháo gỡ, giải quyết, mặt khác chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND là vấn đề mới, cần có thời gian nghiên cứu.

- Khác với chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước (tập trung phục vụ Nhân dân, nhất là thực hiện các dịch vụ công, thủ tục hành chính), chuyển đổi số trong cơ quan dân cử là vấn đề còn tương đối mới, có tính đặc thù (gắn với việc thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát, tiếp xúc cử tri, theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của cử tri, tiếp nhận, giải quyết ý kiến, kiến nghị công dân...) cần có thời gian nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện.

- Nguồn lực của tỉnh còn hạn chế, chưa đảm bảo ngân sách chi cho các nội dung triển khai chuyển đổi số.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2026 - 2031

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt và nghiêm túc triển khai các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Chuyển đổi số phải gắn với đổi mới phương thức hoạt động của HĐND, cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ của HĐND. Đại biểu HĐND, cử tri, Nhân dân, công chức là trung tâm của chuyển đổi số theo phương châm “dễ hiểu, dễ nhớ, dễ ứng dụng”, tăng cường tương tác giữa cử tri, Nhân dân với HĐND, thực hiện tốt vai trò đại diện của đại biểu HĐND trên nền tảng số.

3. Lấy dữ liệu làm nền tảng, giữ vị trí trung tâm, bảo đảm an toàn dữ liệu, sự liên kết, liên thông, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với các dữ liệu của tỉnh, của Quốc hội, dữ liệu quốc gia; ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh trong quá trình xây dựng và phát triển HĐND số.

4. Kế thừa tối đa hạ tầng, nền tảng số, các dự án đã và đang vận hành của Quốc hội, của tỉnh, hạn chế đầu tư trùng lặp. Triển khai theo lộ trình, ưu tiên các nội dung quan trọng, cốt lõi, phù hợp với khả năng ngân sách, điều kiện thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển HĐND trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo mô hình HĐND số; từng bước chuyển các hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND và cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ của HĐND từ phương thức truyền thống sang môi trường số, nâng cao năng lực quản trị, điều hành thông minh. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số tiên tiến, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu trong hoạt động tham mưu, tổng hợp, quản lý và hỗ trợ ra quyết định. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu bảo đảm an toàn, đồng bộ, liên kết, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan khác của tỉnh, của Quốc hội. Kế thừa, phát huy kết quả chuyển đổi số đã được triển khai tại HĐND các cấp. Tạo lập môi trường, điều kiện tương tác giữa đại biểu HĐND với cử tri và Nhân dân. Nâng cao chất lượng phục vụ kỳ họp, giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, xử lý đơn thư và theo dõi việc giải quyết kiến nghị của cử tri; góp phần xây dựng HĐND hoạt động chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời bảo đảm an toàn thông tin, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh, từng bước thu hẹp sự chênh lệch về điều kiện chuyển đổi số giữa các địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với cấp tỉnh

- Các kỳ họp của HĐND tỉnh được tổ chức trên nền tảng số;
- Các nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát và kết quả thực hiện được theo dõi trên Hệ thống HĐND số;
- Kiến nghị cử tri, đơn, thư của công dân và kết quả giải quyết được theo dõi trên Hệ thống HĐND số;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu HĐND tỉnh và kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh, của Quốc hội theo đúng Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung;
- Xây dựng Bảng điều hành thông minh (Dashboard);
- Tích hợp trợ lý AI trên Hệ thống HĐND số;
- Đại biểu HĐND tỉnh, công chức và người lao động thuộc Văn phòng được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số hằng năm;
- Đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên tương tác với cử tri và Nhân dân thông qua Hệ thống HĐND số.
- Kế thừa, tích hợp và khai thác các kết quả, nền tảng, dữ liệu và giải pháp chuyển đổi số đã được triển khai phù hợp tại HĐND các cấp; từng bước bảo đảm khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa cấp tỉnh và cấp xã theo lộ trình.

b) Đối với cấp xã

Trên cơ sở mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của Đề án và điều kiện thực tế của từng địa phương, HĐND các xã, phường, đặc khu kế thừa, phát huy kết quả chuyển đổi số đã thực hiện, trong đó có các nghị quyết, đề án về chuyển đổi số đã được ban hành, đồng thời xác định và thực hiện các mục tiêu phù hợp với yêu cầu hoạt động, điều kiện hạ tầng, nhân lực và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho đại biểu HĐND, công chức và người lao động của Văn phòng

a) Đổi mới, đa dạng, linh hoạt hình thức, phương thức tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, công chức và người lao động của Văn phòng nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của chuyển đổi số đối với việc đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan dân cử. Chuyển đổi số phải trở thành yêu cầu thường xuyên trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ.

b) Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và phát triển kỹ năng số cho đại biểu HĐND, công chức và người lao động Văn phòng theo từng nhóm đối tượng và vị trí việc làm. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào kỹ năng khai thác, sử dụng các nền tảng số của HĐND và kỹ năng sử dụng các công cụ số khác. Xây dựng các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số nâng cao cho đại biểu HĐND, công chức và người lao động thuộc Văn phòng. Khuyến khích tự học, tự nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm giữa các đại biểu HĐND, giữa tập thể công chức, người lao động thuộc Văn phòng.

c) Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” theo kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thường xuyên khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống “Bình dân học vụ số - Quốc hội số”.

2. Triển khai Hệ thống HĐND số của tỉnh Quảng Ngãi

a) Lựa chọn, kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu, mô hình nghiệp vụ, quy trình xử lý, kiến trúc dữ liệu, các thành phần công nghệ của các hệ thống số phục vụ cơ quan dân cử đã triển khai và được đánh giá có hiệu quả để triển khai Hệ thống HĐND số của tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết là Hệ thống HĐND số); đồng thời phát triển, bổ sung các chức năng phù hợp với tổ chức, hoạt động của HĐND và yêu cầu quản lý, điều hành của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND.

Hệ thống HĐND số được phát triển với các phân hệ chức năng: Quản lý kỳ họp, phiên họp, cuộc họp của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND; quản lý hoạt động giám sát và khảo sát; tiếp xúc cử tri số, tiếp công dân số và xử lý đơn thư số; quản lý hồ sơ, thông tin và hoạt động của đại biểu HĐND; cổng quản trị, điều hành, báo cáo thông minh (Dashboard) và hỗ trợ ra quyết định; ứng dụng di động phục vụ hoạt động của HĐND; tích hợp trí tuệ

nhân tạo (AI). Hệ thống có khả năng mở rộng, phát triển các chức năng mới, đáp ứng yêu cầu phát triển HĐND số trong từng giai đoạn (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Đề án*).

b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất, đầy đủ, chính xác, được cập nhật thường xuyên, là trung tâm của toàn bộ hoạt động số của HĐND; cơ sở dữ liệu bảo đảm liên kết, liên thông, chia sẻ dữ liệu, đáp ứng yêu cầu mở rộng và tích hợp với các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, của Quốc hội khi có yêu cầu.

Xác định rõ trách nhiệm cập nhật, quản lý, khai thác và bảo đảm chất lượng dữ liệu; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu trong quá trình số hóa và khai thác.

Cơ sở dữ liệu chủ yếu của HĐND gồm có: Dữ liệu đại biểu HĐND; Dữ liệu kỳ họp; Dữ liệu giám sát, khảo sát; Dữ liệu nghị quyết; Dữ liệu kiến nghị cử tri; Dữ liệu tiếp công dân và đơn thư; Kho dữ liệu số và các dữ liệu khác theo yêu cầu quản lý, điều hành (*Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Đề án*).

3. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị CNTT

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hiệu quả Hệ thống HĐND số và các hệ thống số, nền tảng số khác. Việc đầu tư hạ tầng phải được thực hiện theo lộ trình, bảo đảm trang thiết bị thực hiện các mục tiêu cụ thể của Đề án, trên nguyên tắc tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có nhằm giảm chi phí.

a) Trang bị máy tính bảng cho đại biểu HĐND tỉnh.

b) Rà soát hiện trạng, xây dựng lộ trình đầu tư, thay thế, nâng cấp máy tính để bàn, máy tính xách tay và các thiết bị khác cho công chức Văn phòng đáp ứng công tác tham mưu, giúp việc, phục vụ và yêu cầu khai thác các nền tảng số và sử dụng Hệ thống HĐND số.

c) Rà soát, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ (LAN), mạng không dây (Wi-Fi), hệ thống họp trực tuyến, đường truyền Internet và các thiết bị mạng tại cơ quan Văn phòng, bảo đảm khả năng truy cập ổn định, an toàn vào Hệ thống HĐND số và các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

d) Từng bước đầu tư, nâng cấp các thiết bị phục vụ tổ chức kỳ họp, phiên họp và hoạt động giám sát trên môi trường số, bao gồm hệ thống màn hình trình chiếu, màn hình hiển thị, thiết bị âm thanh và các thiết bị hỗ trợ khác theo hướng hiện đại và nâng cao hiệu quả điều hành.

đ) Đối với HĐND cấp xã, rà soát hiện trạng hạ tầng, thiết bị, đường truyền và điều kiện bảo đảm chuyển đổi số; xây dựng phương án đầu tư, nâng cấp phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương. Ưu tiên khắc phục những điểm còn thiếu, yếu về thiết bị, đường truyền và điều kiện kỹ thuật để bảo đảm khả năng tiếp cận, sử dụng các nền tảng số dùng chung.

4. Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền và tăng cường tương tác số giữa HĐND với cử tri và Nhân dân

a) Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền về tổ chức và hoạt động của HĐND, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch và dễ tiếp cận đối với cử tri, Nhân dân và các cơ quan, tổ chức. Kết hợp công tác thông tin tuyên truyền của các kênh thông tin đại chúng với các nền tảng số, mạng xã hội, tăng cường cung cấp thông tin chính thống về các kỳ họp, phiên họp, hoạt động giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri, chất vấn, giải trình và các nghị quyết của HĐND. Đa dạng hóa hình thức truyền tải thông tin thông qua tin, bài, infographic, video, bản tin điện tử và các sản phẩm truyền thông số.

b) Nâng cao chất lượng Trang thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Ngãi, Trang Thông tin điện tử của các xã, phường, đặc khu. Nâng cấp, phát triển Trang thông tin điện tử theo hướng hiện đại, thân thiện với người sử dụng, bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin về tổ chức, hoạt động; công khai chương trình công tác, nghị quyết, kết quả giám sát, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và các thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật khác có liên quan.

c) Tăng cường tương tác số với cử tri và Nhân dân thông qua Hệ thống HĐND số, tạo điều kiện thuận lợi để cử tri tiếp cận thông tin, gửi kiến nghị, phản ánh, góp ý đối với các dự thảo nghị quyết và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND.

d) Tăng cường phối hợp với cơ quan báo chí trong cung cấp, chia sẻ, tuyên truyền thông tin và dữ liệu về hoạt động của HĐND; đồng thời tiếp nhận, chuyển xử lý và phản hồi các phản ánh của cử tri theo quy định.

5. Kiểm tra, đánh giá và thực hiện các phong trào thi đua

a) Thường xuyên kiểm tra việc khai thác, sử dụng Hệ thống HĐND số, kịp thời chấn chỉnh tình trạng sử dụng chưa hiệu quả, chưa khai thác đầy đủ các chức năng của hệ thống. Rà soát các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn để kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung chức năng của Hệ thống HĐND số; bảo đảm hệ thống luôn phù hợp với yêu cầu đổi mới hoạt động của HĐND, yêu cầu của quản lý, điều hành.

b) Thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn và báo cáo HĐND theo quy định.

c) Cụ thể tiêu chí “Ứng dụng số trong hoạt động của HĐND” trong đánh giá kết quả hoạt động của đại biểu HĐND và trong thực hiện các phong trào thi đua phát triển khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của khối cơ quan dân cử.

6. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách và khả năng cân đối ngân sách của địa phương; từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan và nguồn xã hội hóa hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Đối với cấp tỉnh, hằng năm Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh căn cứ hướng dẫn của các cơ quan có liên quan về triển khai hệ thống số, nền tảng số dùng chung, nhu cầu mở rộng Hệ thống HĐND số, các nội dung khác có liên quan để xây dựng dự toán chi tiết, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định. Khái toán kinh phí thực hiện Đề án ở cấp tỉnh: 10.150.000.000 đồng (Mười tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể tại Phụ lục 3 kèm theo Đề án.

Đối với cấp xã, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND được xác định theo Đề án này và các chương trình, đề án, nghị quyết có liên quan của địa phương, khả năng cân đối ngân sách và các quy định có liên quan khác, Thường trực HĐND cấp xã chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND cấp xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự toán, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

1. Chỉ đạo toàn diện việc triển khai Đề án. Định kỳ hàng tháng xem xét tiến độ thực hiện, cho ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề quan trọng, phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Phân công các Ban của HĐND tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện Đề án trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm.

3. Chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: Tham mưu xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Đề án hàng năm. Phối hợp với Thường trực HĐND cấp xã thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án đến HĐND cấp xã nơi có đủ điều kiện.

4. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết Đề án; cho ý kiến đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai Đề án và trong nghiên cứu, ứng dụng số.

II. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong triển khai thực hiện Đề án; có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động của Hệ thống HĐND số. Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án được HĐND tỉnh thông qua. Trong đó:

1. Sở Tài chính nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn lực bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án; hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí thực hiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, hướng dẫn Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác xây dựng Hệ thống HĐND số, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu của HĐND với các hệ thống thông tin của tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia (nếu có) theo quy định.

3. Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, hướng dẫn Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng.

III. CÁC BAN CỦA HĐND TỈNH, ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH

1. Phối hợp Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh triển khai có hiệu quả Đề án. Chủ động triển khai có hiệu quả việc khai thác, sử dụng Hệ thống HĐND số trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Kịp thời phản hồi, góp ý để hoàn thiện hệ thống. Tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn triển khai Đề án và nâng cao kỹ năng số.

IV. VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Thường trực HĐND tỉnh triển khai có hiệu quả Đề án. Kịp thời báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo đối với những nội dung, vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

2. Tham mưu Thường trực HĐND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm, kế hoạch sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Đề án; định kỳ hàng tháng tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh tiến độ thực hiện.

3. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, lựa chọn Hệ thống số để triển khai Hệ thống HĐND số. Nghiên cứu bổ sung các chức năng phù hợp với tổ chức, hoạt động của HĐND và yêu cầu quản lý, điều hành của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND.

4. Chủ trì tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho đại biểu HĐND và công chức Văn phòng; phát triển và quản lý, vận hành tốt hệ thống; phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, chuẩn hóa, số hóa, cập nhật và kết nối, chia sẻ dữ liệu, phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu HĐND.

5. Tổng hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, động viên tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai Đề án, ứng dụng hiệu quả Hệ thống HĐND số tỉnh Quảng Ngãi và các nền tảng, công cụ số.

V. THƯỜNG TRỰC HĐND CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

Căn cứ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, kế thừa, phát huy các kết quả chuyển đổi số đã thực hiện và các chương trình, đề án, nghị

quyết về chuyển đổi số đã được ban hành tại địa phương, xác định, tổ chức thực hiện hoặc rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND cấp mình cho phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách; phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện.

VI. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

Phối hợp với Thường trực HĐND cùng cấp trong triển khai thực hiện Đề án; bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nhân lực và kinh phí theo thẩm quyền, khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật; cung cấp, chia sẻ dữ liệu phục vụ hoạt động của HĐND theo quy định.

Trên đây là Đề án Chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2031./.